

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 872/TTr-SGTVT ngày 29/4/2022 và ý kiến của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 28/BC-VPUB ngày 05/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện;

2. Rà soát Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

1. Thủ tục hành chính số 18, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28 Mục I – Lĩnh vực Đường bộ Phần I – Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Thủ tục hành chính số 01, 02 – Lĩnh vực Đường bộ - Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch, PCT Phan Tấn Cảnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT.CNTT và TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, TTPVHCC. CT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Tấn Cảnh

PHỤ LỤC

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH NINH THUẬN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	Không	Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
2	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
3	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
4	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

5	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. <i>(Cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương).</i>	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
6	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
7	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
8	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. <i>(Cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương).</i>	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
9	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. <i>(Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương).</i>	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
10	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. <i>(Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương).</i>	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	- Không-	Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
2	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
3	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
4	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. (Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương).	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
5	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. (Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương).	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
6	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
7	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

8	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
9	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác được giao quản lý (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục ĐBVN).	- 04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (không tính thời gian kiểm tra hiện trường); - 10 ngày làm việc đối với trường hợp phải kiểm tra hiện trường.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
10	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc được giao quản lý (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục ĐBVN).	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -